TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 18/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 04/5/2018
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Xuân Đạm
2. Ông Võ Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh: Ông Nguyễn Thanh Kỳ – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình, thụ lý số: 183/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017, về việc: *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Dương Thị Thanh T** – sinh năm: 1984 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp H Th T, xã L H, huyện L N, tỉnh Bình Phước.
Chỗ ở: Số 31/31, đường H Th L, P H Th, Q T Ph, TP Hồ Chí Minh

Bị đơn: **Ông Nguyễn Minh H** – sinh năm: 1984 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H Th T, xã L H, huyện L N, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Dương Thị Thanh T trình bày: Bà T và ông Nguyễn Minh H tự nguyện chung sống với nhau 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L H, huyện LN. Trước khi sống chung có tìm hiểu khoảng 24 tháng. Vợ chồng sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H có quan hệ tình cảm với người phục nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2015 đến nay. Nay Bà T xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Chí H1 – sinh ngày: 07/7/2008, khi ly hôn bà T nuôi con, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra vợ chồng không nhận ai làm con nuôi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Bà T và ông H không nợ ai và không ai nợ lại.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử. Tại bản tự khai ông H trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung, thời gian phát sinh mâu thuẫn và thời gian ly thân như bà T trình bày. Nay ông H cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Chí H1 – sinh ngày: 07/7/2008. Khi ly hôn ông H thống nhất để bà T tiếp tục nuôi con, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ quy định về pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị Thanh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí H1 – sinh ngày: 07/7/2008 cho bà T nuôi, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết nên không giải quyết.

Về nợ: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Dương Thị Thanh T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện LN giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Minh H nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông H có hộ khẩu tại xã LH, huyện L N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L N được quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, do điều kiện công việc nên ông H có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy thời gian chung sống giữa bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5 năm 2015 đến nay, nay bà T xin ly hôn, ông H cũng đồng ý ly hôn với bà T. Căn cứ điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị Thanh T và ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Chí H1 – sinh ngày: 07/7/2008, khi ly hôn bà T và ông H thống nhất để Bà T nuôi con. Ngoài ra cháu Nguyễn Chí H1 cũng có nguyện vọng sống với bà T, vì vậy giao cháu Hào cho bà T nuôi. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về nợ: Bà T và ông H không nợ ai và không ai nợ lại.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà T phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Dương Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị Thanh T và ông Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Bà T nuôi con tên Nguyễn Chí H1 – sinh ngày: 07/7/2008. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ: không có.

5. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0014757 ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L N.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện L N
- THADS huyện L N

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã L H
- Lưu hồ sơ
- Các đương sự.

Lê Thị Kiều Chinh